

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC-VĨNH LONG**

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 12 - 2025.

V/v ly hôn chị N và anh P.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tư.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2025/QĐST-DS ngày 26/11/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hồng N, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số nhà 84, khóm T, phường H, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Thanh P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà 84, khóm T, phường H, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11 tháng 9 năm 2025 nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng N trình bày: Chị và anh P quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2021, chung sống với nhau đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, xét thấy không thể nào chung sống với nhau được nữa, nên chị xin ly hôn với anh Mai Thanh P. Thời gian chung sống chưa có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn: Anh Mai Thanh P được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Hồng N và anh Mai Thanh P kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị N có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh P, anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, anh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị N cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị N và anh P có đăng ký kết hôn vào năm 2021. Thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến việc chị N và anh P sống ly thân, anh P được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh P không có con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó chị N phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Hồng N ly hôn anh Mai Thanh P.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Đặng Thị Hồng N nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0003379 ngày 26/9/2025, chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- UBND phường H, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng